

Bàn về âm tắc thanh hầu mở đầu âm tiết tiếng Việt

ĐINH LÊ THU

NHƯ chúng ta đều biết, tiếng Việt là một trong những ngôn ngữ âm tiết tính, mà đặc điểm cơ bản của nó là sự trùng nhau giữa ranh giới âm tiết và ranh giới hình vị. Ranh giới âm tiết của các ngôn ngữ này có tính đơn trị, không bị thay đổi khi âm tiết tham gia cấu thành những đơn vị ngôn ngữ lớn hơn.

Nhưng điểm chủ yếu này cùng với hàng loạt những sự kiện thực tế khác đã tạo nên tính chất đặc biệt của cơ cấu âm vị học các ngôn ngữ âm tiết tính, trong đó có các qui luật phân đoạn các âm tiết. Cấu trúc âm tiết tiếng Việt có thể mô hình hóa bằng sơ đồ sau đây:

THANH ĐIỀU			
ÂM ĐẦU	VẦN		
	âm đệm	âm chính	âm cuối

trong đó thanh điệu và vần luôn luôn có nội dung tích cực. Còn đối với phụ âm đầu vần để lại phức tạp hơn. Thành phần âm đầu do các phụ âm đơn đảm nhiệm, nhưng bên cạnh đó, trong tiếng Việt có những âm tiết hình như không có âm đầu như kiểu «oan», «án». Nhiều nhà nghiên cứu nói đến sự vắng mặt âm đầu trong kiểu âm tiết nói trên. Quan điểm này được thể hiện ngay cả trên chữ viết. Theo ý kiến của nhiều tác giả khác, thì âm đầu của các âm tiết ấy là một âm tắc thanh hầu (Lê Văn Lý, 1949; L. Thompson, 1965; Hoàng Tuệ - Hoàng Minh, 1975; Đoàn Thiện Thuật, 1977 v.v.).

L. Thompson nhận xét rằng, âm tắc thanh hầu [ʔ] không những xuất hiện trước nguyên âm trong kiểu âm tiết nói trên, mà còn xuất hiện trước các âm đầu tắc hữu thành [b, d]. Ông tách âm tắc thanh hầu thành một âm vị độc lập, và coi [b], [d] là biến thể của âm vị [p], [t]/6, 21-23/. Kết quả của giải pháp âm vị học này là trong tiếng Việt không có các âm đầu tắc hữu thành [b], [d], và thay vào đó là các tổ hợp phụ âm [ʔp].

[?], điều này mâu thuẫn với cấu trúc chung của âm tiết tiếng Việt hiện đại, mà thành phần âm đầu bao giờ cũng do phụ âm đơn đảm nhiệm, chứ không phải là các tổ hợp phụ âm.

Tác giả cuốn *Ngữ âm tiếng Việt* cho rằng năm thành phần cấu tạo âm tiết luôn luôn có mặt và trong số đó, thanh điệu, âm đầu, âm chính bao giờ cũng có nội dung tích cực, còn âm đệm và âm cuối có thể do âm vị «ê rô» đảm nhiệm [7, 88].

Để nghiên cứu vấn đề âm tắc thanh hầu, chúng tôi sử dụng phương pháp ngữ âm thực nghiệm. Chúng tôi đã ghi vào băng ghi âm 164 câu và tổ hợp từ, trong đó các phụ âm đầu tiếng Việt xuất hiện ở những bối cảnh ngữ âm khác nhau. Trong số các câu này, có 12 câu hoặc tổ hợp từ chứa đựng những âm tiết, mà trên chữ viết bắt đầu bằng nguyên âm hay âm đệm kiểu «oán», «án». Tất cả 164 câu trên được 8 người — quê ở Hà Nội, Sơn Tây, Phú Thọ, Thái Bình — đọc vào máy và từ băng ghi âm chúng tôi chụp lại thành các sơ đồ ôxilôgram (trên máy ôxilôgrap N — 102, tốc độ 250 ml/gy)

Cứ liệu thực nghiệm chỉ ra rằng, âm tắc thanh hầu xuất hiện không đều đặn và không nhất thiết có mặt trước các nguyên âm làm âm chính.

Những số liệu trình bày ở bảng I cho thấy rõ là âm tắc thanh hầu thường vắng mặt (68%) hơn là có mặt (32%). Kết quả này không ủng hộ ý kiến của một số nhà nghiên cứu cho rằng các âm tiết kiểu «án», «oán» luôn luôn bắt đầu bằng một âm tắc thanh hầu. Âm tắc thanh hầu chỉ xuất hiện đều đặn trong những trường hợp riêng biệt, ví dụ tổ hợp «Năm úp thia» tất cả tám nhân chứng đều đọc âm tiết «úp» /up⁵/ mở đầu bằng một âm tắc thanh hầu trước âm chính /u/. Độ dài trung bình của âm tắc thanh hầu gần bằng độ dài của phụ âm tắc hữu thanh (khoảng 0,22 độ dài của toàn bộ âm tiết).

Bảng 1 — Âm tắc thanh hầu [ʔ] trước các âm chính

nhân chứng ví dụ	1	2	3	4	5	6	7	8
Mẹ cho em bú	—	—	—	—	—	—	—	—
Em sờ vú mẹ	+	—	—	—	+	—	—	—
Làm bây giờ à?	—	—	—	—	—	—	—	—
Nhuộm áo	+	+	—	+	—	—	+	—
Áo gụ	—	+	—	—	—	—	—	+
Ăn cắp pin	—	—	—	—	+	—	—	—
Ăn miếng trâu	—	—	—	—	—	—	—	—
Ách trâu	—	+	—	+	—	+	—	—
Ở khu mỏ	—	—	+	+	—	—	—	+
Âm phủ	+	—	+	+	—	—	—	+
Đàn ông	+	—	+	+	—	—	+	—
Năm úp thia	+	+	+	+	+	+	+	+

+ : Có âm tắc thanh hầu : 31/96 = 32%

— : Không có âm tắc thanh hầu : 65/96 = 68%

Sự hạn chế của tư liệu không cho phép chúng ta nói đến những nhân tố nào có tác dụng qui định sự xuất hiện của âm tắc thanh hầu trong các kiểu âm tiết nói trên, và cũng không cho ta khả năng đánh giá ảnh hưởng của các bối cảnh ngữ âm đối với sự tồn tại hay vắng mặt của âm tắc thanh hầu trong những trường hợp được xem xét. Nhưng theo tài liệu thu được, có thể giả định rằng, âm tắc thanh hầu thường xuất hiện trước nguyên âm khép và tròn môi hơn trước các nguyên âm mở và không tròn môi. Sau những âm tiết nửa khép (kết thúc bằng âm cuối mũi [-m, -n, -ŋ] âm tắc thanh hầu thường xuất hiện hơn là trước âm tiết mở. Tất cả những điều giả định này cần được kiểm tra lại.

Còn về sự tồn tại của âm tắc thanh hầu trước các phụ âm đầu thì cứ liệu thực nghiệm chỉ ra rằng, âm tắc thanh hầu không những xuất hiện trước /b, d/ như L. Thompson nhận xét, mà còn có thể gặp trước hầu hết các phụ âm hữu thanh và vang ở vị trí đầu câu. Tần số xuất hiện của âm tắc thanh hầu trước các phụ âm đầu nói trên được trình bày trong bảng 2.

Âm tắc thanh hầu xuất hiện không đều đặn trước các phụ âm đầu hữu thanh và vang trong phát âm của các nhân chứng. Ở nhân chứng 5 và 7 hoàn toàn không có [ʔ], trong khi đó ở nhân chứng 6 có thể gặp âm tắc thanh hầu trước hầu hết các phụ âm hữu thanh và vang. Cần chú ý rằng, trước các phụ âm đầu nói trên, âm tắc thanh hầu thường gặp trong phát âm của các nhân chứng quê ở Phú Thọ và rất ít gặp ở các nhân chứng quê ở Hà Nội, Sơn Tây, Thái Bình. Tần số xuất hiện của âm tắc thanh hầu trước phụ âm hữu thanh và vang thường rất nhỏ, trung bình khoảng 10%.

Bảng 2 - Âm tắc thanh hầu trước các phụ âm đầu hữu thanh và vang ở vị trí đầu câu.

Phụ âm đầu	[b]	[d]	[v]	[z]	[ʔ]	[m]	[n]	[ɲ]	[ŋ]	[l]
Tần số xuất hiện của /ʔ/	12	21	0	8	1	5	2	1	1	20
	96	128	49	111	48	79	32	24	32	84
%	12%	16%	—	7%	2%	6%	6%	4%	3%	24%

Tỷ số: Số lần phát âm phụ âm với âm tắc thanh hầu

Mẫu số: Tổng số lần phụ âm được hiện thực hóa.

Âm tắc thanh hầu thường gặp hơn cả trước âm đầu [l] (24%), trước [d] (16%), trước [b] (12%) và nó không xuất hiện trước âm đầu xét hữu thanh [v]. Riêng ở nhân chứng 8 (người Phú Thọ) tần số xuất hiện của âm tắc thanh hầu trước [b], [d] khoảng 80% đến 90%, còn trước [v, z, ʔ, m, n, ɲ, ŋ, l] hầu như không gặp âm tắc thanh hầu.

Ngoài vị trí đầu câu, ở các vị trí khác rất ít gặp âm tắc thanh hầu. Sau những âm tiết khép (kết thúc bằng phụ âm tắc vô thanh) âm tắc thanh

hầu chỉ xuất hiện 1 lần trong 173 trường hợp hiện thực hóa các phụ âm hữu thanh và vang của các âm tiết đi sau. Âm tắc thanh hầu vắng mặt trước các phụ âm đầu nói trên, ở vị trí sau các âm tiết mở, âm tiết nửa mở và âm tiết nửa khép (đặc biệt là khi các âm tiết ấy không mang thanh nặng, thanh ngã và thanh sắc).

Như vậy tần số xuất hiện của âm tắc thanh hầu thay đổi phụ thuộc vào bối cảnh ngữ âm, vào đặc điểm địa phương và đặc điểm cá nhân của người nói.

Từ quan điểm thuần túy ngữ âm học, có thể kết luận rằng, trong tiếng Việt âm tắc thanh hầu có khả năng xuất hiện (với tần số thấp) trước những thành tố của âm tiết được phát âm với tiếng thanh: phụ âm đầu hữu thanh và vang, âm đệm [u], nguyên âm làm âm chính (trong những âm tiết kiểu «oán», «án». Âm tắc thanh hầu không bao giờ tồn tại trước các phụ âm đầu vô thanh. Vì vậy, một cách hiển nhiên có thể nghĩ rằng, trong tiếng Việt, âm tắc thanh hầu là kết quả của sự thay đổi đột ngột trạng thái của thanh hầu khi cấu tạo tiếng thanh, đặc biệt ở vị trí đầu câu, ở sau các phụ âm cuối tắc vô thanh (đối với phụ âm hữu thanh, phụ âm vang và nguyên âm) và sau các phụ âm cuối mũi (đối với các nguyên âm). Do đó không nên coi âm tắc thanh hầu như một âm đầu riêng biệt trong những âm tiết kiểu «oán», «án». Nếu như mô hình lý tưởng của âm tiết tiếng Việt gồm 4 thành phần âm đoạn tính thì âm tiết «oán» có thể xem như sự hiện thực hóa của mô hình âm tiết với một đầu «zê rô». Cái «zê rô» chức năng này đối lập với tất cả các âm đầu còn lại. Âm đầu «zê rô» được thể hiện trong đa số trường hợp bằng một «zê rô» về vật chất, nhưng đôi khi có thể hiện thực hóa bằng âm tắc thanh hầu [ʔ]. Sự có mặt của âm tắc thanh hầu trong trường hợp này và sự vắng mặt của nó là hai biến thể tự do của cùng một âm đầu «zê rô».

Còn đối với sự tiền thanh hầu hóa của phụ âm đầu hữu thanh và vang thì đó chỉ là một trong những khả năng hiện thực hóa của chúng trong chuỗi lời nói. Ở vị trí đầu câu và ở sau âm tiết khép, các phụ âm đầu hữu thanh và vang được hiện thực hóa như một trong những biến thể sau đây:

1. Như một phụ âm hữu thanh hoàn toàn,
2. Như một âm hữu thanh mở đầu bằng âm tắc thanh hầu
3. Như một phụ âm bán hữu thanh (1)
4. Và trong trường hợp riêng biệt, như một phụ âm vô thanh.

(1) Phụ âm bán hữu thanh có hai loại:

- a) Loại chỉ có tiếng thanh ở giai đoạn giữ hoặc ở giai đoạn lùi (xem L. R. Zinder, *Obshchaja fonetika*, 1960, tr. 121).
- b) Loại có tiếng thanh trong suốt thời gian phát âm phụ âm nhưng cường độ tiếng thanh rất yếu (xem R. F. Pafoshima, *Nekotorye voprosy svyazanyye s kategoriej glukhosti zvonkosti soglasnykh v govorakh russogo jazyka* — trong tập *«Eksperimental'no — foneticheskoe izuchenie russkikh govorov*, M, 1960, tr. 214).

Tần số xuất hiện của các biến thể ở vị trí nói trên được trình bày trong bảng 3.

Bảng 3 — Sự hiện thực hóa của các phụ âm đầu hữu thanh

Biến thể	Ở đầu câu		Sau âm tiết khép	
	Xát hữu thanh	Tắc hữu thanh	Xát hữu thanh	Tắc hữu thanh
1. Hữu thanh hoàn toàn	66%	63%	70%	82%
2. [ʔ] + hữu thanh	3%	15%	0.6% 1%	8%
3. Bán hữu thanh	12%	17%	13%	3%
4. Vô thanh	17%	2%	16%	5%

Bảng trên cho thấy rằng, biến thể có âm tắc thanh hữu rất ít gặp ở vị trí đầu câu, và càng ít gặp hơn nữa sau các âm tiết khép. Tần số xuất hiện của âm tắc thanh hữu trước các phụ âm đầu tắc hữu thanh [b], [d] tuy có lớn hơn tần số xuất hiện của nó trước các phụ âm xát hữu thanh nhưng vẫn là rất nhỏ. Vì vậy không có cơ sở tách âm tắc thanh hữu trước các phụ âm đầu hữu thanh trong những trường hợp nói trên thành một âm vị độc lập. Và do đó cũng không có cơ sở coi [b], [d] là biến thể của [p], [t].

Cần nói thêm rằng, trong tiếng Việt, ở đa số trường hợp, các phụ âm đầu hữu thanh và vô thanh đối lập nhau theo sự tồn tại và vắng mặt của tiếng thanh. Nhưng trong chuỗi lời nói, thể đối lập hữu thanh—vô thanh có thể bị trung hòa hóa, đặc biệt điều đó thường xảy ra đối với các phụ âm đầu xát hữu thanh ở vị trí đầu câu hay sau phụ âm cuối tắc vô thanh của âm tiết đi trước (xem bảng 3). Khi ấy biến thể vô thanh hóa của âm đầu hữu thanh bao giờ cũng ngắn hơn và có tiếng động yếu hơn âm đầu vô thanh tương ứng. Vì vậy có thể nói rằng thể đối lập hữu thanh—vô thanh của phụ âm đầu trong tiếng Việt không chỉ dựa trên sự tồn tại hay vắng mặt của tiếng thanh mà còn dựa trên đặc tính thời gian và sự mạnh yếu của tiếng động khi cấu tạo phụ âm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M. V. Gordina, *Orazlichnykh funkcional'nykh issledovanija po fonologii* M., 1966.
2. M. V. Gordina, *K voprosu o foneme vo v'etnamskom jazyke*, V. ja. N. 6, 1959.
3. V. B. Kisevich, *Funkcionalnye muli i ikh mesto v fonologicheskoi sisteme birnanskogo jazyka*, «Narody Azii i Afriki» N. 6, 1970.
4. V. B. Kisevich, *O sootnoshenii neznakovykh i znakovykh edinic v shlogovykh i neslogovykh jazykakh*.
5. Le Van Ly, *Le parler vietnamien*, Paris 1948.
6. L. C. Thompson, *A Vietnamese Grammar*, Seattle, 1965.
7. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, Hà Nội, 1977.
8. Hoàng Tuệ — Hoàng Minh, *Remarques sur la structure phonologique du Vietnamien*, Etudes vietnamiennes N. 40, Hanoi, 1975.